

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ**

Tỉnh Bến Tre

Bản án số: 212/2018/DS-ST

Ngày: 30-10-2018

V/v tranh chấp “*Hợp đồng
góp hụi*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hai
2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 233/2018/TLST-DS ngày 15/8/2018 về tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2144/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2018/QĐST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị L, sinh năm 1982. (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 77/1, ấp AH, xã AN, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Dương Thị V, sinh năm 1980 (có mặt)

Phạm Hoàng T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Số nhà 160/1, ấp GH, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 15/8/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Vào ngày 17/12/2015 đương lịch chị và chị Dương Thị V có tổng cộng các dây hụi đã mãn thì chị V còn nợ chị số tiền 96.000.000 (Chín mươi sáu triệu) đồng, hai bên có làm biên nhận nợ, chị V có ký tên xác nhận nợ với chị số tiền này, chị V hứa 01 tháng sẽ trả toàn bộ số tiền này nhưng đến nay không trả.

Chị V sử dụng số tiền góp hụi vào mục đích chung cho gia đình và anh Phạm Hoàng T (chồng chị V) cũng biết việc này nên chị yêu cầu anh T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền này.

Do chị V, anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị yêu cầu trả nợ gốc và lãi suất 0,75%/tháng, tính từ ngày 18/01/2016 cho đến ngày 18/10/2018 là 33 tháng với số tiền 23.760.000 (Hai mươi ba triệu, bảy trăm sáu chục nghìn) đồng. Chị không yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 19/10/2018 đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc chị Dương Thị V và anh Phạm Hoàng T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền gốc và lãi là 119.760.000 (Một trăm mười chín triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Chứng cứ chị cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của chị là 01 Bản photo biên nhận nợ có chữ ký của chị Dương Thị V (đã qua đối chiếu bản chính). Ngoài ra chị không cung cấp chứng cứ gì thêm.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn chị Dương Thị V trình bày:

Chị thừa nhận chị và anh Phạm Hoàng T (chồng chị) còn nợ của chị Lê Thị L số tiền hui gốc 96.000.000 (Chín mươi sáu triệu) đồng nhưng đến nay chưa trả. Số tiền chơi hui chị sử dụng vào mục đích chung cho gia đình nên chị và anh Phạm Hoàng T đồng ý liên đới trả cho chị L số tiền này nhưng xin được trả dần hàng tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Còn về việc chị L yêu cầu tính lãi suất của số tiền 96.000.000 đồng, tính từ ngày 18/01/2016 cho đến ngày 18/10/2018, mức lãi suất 0,75%/tháng với số tiền 23.760.000 đồng là hợp lý, đúng quy định của pháp luật nhưng chị và anh T xin không trả lãi, do hiện nay hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn.

Bị đơn anh Phạm Hoàng T vắng mặt và cũng không có ý kiến gửi đến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Lê Thị L tranh chấp hợp đồng góp hui với bị đơn Dương Thị V theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Phạm Hoàng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Hợp đồng góp hui giữa nguyên đơn Lê Thị L với bị đơn Dương Thị V được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án bị đơn chị Dương Thị V đã thừa nhận chị V và anh Phạm Hoàng T còn nợ của chị Lê Thị L số tiền gốc 96.000.000 (Chín mươi sáu triệu) đồng và yêu cầu xin được trả dần hàng tháng 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng, trả cho đến khi hết nợ nhưng yêu cầu của chị V không được chị L đồng ý.

Do chị V, anh T đã vi phạm thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc là 96.000.000đồng nên chị L yêu cầu tính lãi suất chậm trả với số tiền là 23.760.000đồng là đúng quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình (do chị V, anh T sử dụng tiền góp hui vào mục đích chung cho gia đình) nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc chị Dương Thị V và anh Phạm Hoàng T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị L số tiền là 119.760.000 (Một trăm mười chín triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị L được Tòa án chấp nhận nên chị Dương Thị V và anh Phạm Hoàng T phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Số tiền án phí chị V, anh T phải liên đới nộp (119.760.000 đồng x 5%) là: 5.988.000 (Năm triệu, chín trăm tám mươi tám nghìn) đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, các Điều 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L. Buộc chị Dương Thị V và anh Phạm Hoàng T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị L số tiền 119.760.000 (Một trăm mười chín triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Dương Thị V và anh Phạm Hoàng T có nghĩa vụ liên đới nộp: 5.988.000 (Năm triệu, chín trăm tám mươi tám nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị Lê Thị L được Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.972.000 (Hai triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu số 0018555, ngày 15 tháng 8 năm 2018.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ - THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Văn Hai – Huỳnh Ngọc Sơn

Hồ Thị Triết

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Triết

